

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2023

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đặng Hồng Phước

2. Ông Phan Hữu Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Kim Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân Gia đình thụ lý số 532/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1996 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện A, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số 328, Khu vực T2, phường U, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 21/10/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, tại phiên toà nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn vào ngày 06/3/2014, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện I, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong chuyện tiền bạc và ông H thường xuyên chửi mắng và xúc phạm bà và gia đình bà nên gia đình luôn bất hoà và không hạnh phúc, không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2022. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia K, sinh ngày 27/7/2015 và Trần Gia L, sinh ngày 10/5/2019, hiện đang do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo trình bày trong quá trình hoà giải, bị đơn – Ông Trần Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà C về thời gian và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, ông xác định do ông làm việc cực nhọc nên ông hay nóng tính và chửi vợ, có lần ông cũng có chửi mẹ vợ ông xác định đây là lỗi của ông. Tuy nhiên, một phần dẫn đến bức xúc của ông là do vợ và gia đình bên vợ không rõ ràng trong chuyện tiền bạc và làm ăn của vợ chồng ông. Giữa vợ chồng từ khi sống chung đến nay không mâu thuẫn gì. Về thời gian ly thân thì vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay, nhưng thực chất chỉ là do nhà vợ kêu tách ra để làm riêng, nhưng sau đó bà C lại gửi đơn ly hôn. Nay đối với yêu cầu ly hôn của bà C ông xác định còn thương vợ, yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng quay về chung sống, yêu cầu bà C cho ông cơ hội để sửa sai, do đó ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Gia K, sinh ngày 27/7/2015 và Trần Gia L, sinh ngày 10/5/2019, hiện đang do bà C nuôi dưỡng. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ông và bà C ly hôn ông đồng ý để bà C được nuôi 02 con chung, bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng ông sẽ tự cấp dưỡng nuôi con bên ngoài.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Tại buổi hoà giải ngày 30/11/2022: Ông H trình bày vợ chồng có các tài sản chung: 02 chiếc xe rông, 01 chiếc xe bán tải, 01 xe tải, 02 chiếc xe tang, đồ trang trí làm nghề mai táng. Về nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng hiện còn nợ tiền của công ty bán hòm là 210.000.000 đồng, bên cạnh, trong quá trình chung sống vợ chồng có cho mẹ vợ là bà Phạm Thị X mượn tiền để mua nền nhà và đồ nền là 750.000.000 đồng. Ông cam kết sẽ nộp Đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng và cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, giá trị

trị tài sản, nợ chung và người liên quan cho Toà án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoà giải.

Đến ngày 07 tháng 02 năm 2023, ông xin rút lại ý kiến tại buổi hoà giải ngày 30 tháng 11 năm 2022, ông xác định về tài sản chung và nợ chung ông và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án:

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Tờ tự khai; Đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải, đối thoại; Giấy CNĐKKH (Bản sao); Trích lục khai sinh (Bản sao); CMND, hộ khẩu (Bản photo);

- Bị đơn: không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập: Biên bản lấy lời khai của bà X ngày 02/3/2023.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C: Về hôn nhân: Bà C được ly hôn với ông H; Về con chung: Bà C được tiếp tục nuôi 02 con chung là Trần Gia K, sinh ngày 27/7/2015 và Trần Gia L, sinh ngày 10/5/2019, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu. Về tài sản chung của vợ chồng: Bà C và ông H yêu cầu được tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà C phải nộp án phí là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Kim C có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh H do vậy xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Trần Thanh H có hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn là ông H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà C và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện I, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Quá trình chung sống giữa bà C và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, theo bà C là do bất đồng trong chuyện tiền bạc và ông H thường xuyên chửi mắng và xúc phạm bà và gia đình bà nên gia đình luôn bất hoà và không hạnh phúc, không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2022. Trong quá trình ly thân cả hai không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà C kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H.

Về phía ông H trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, ông xác định do ông làm việc cực nhọc nên ông hay nóng tính và chửi vợ, có lần ông cũng có chửi mẹ vợ ông xác định đây là lỗi của ông. Tuy nhiên, một phần dẫn đến bức xúc của ông là do vợ và gia đình bên vợ không rõ ràng trong chuyện tiền bạc và làm ăn của vợ chồng ông. Giữa vợ chồng từ khi sống chung đến nay không mâu thuẫn gì. Về thời gian ly thân thì vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay, nhưng thực chất chỉ là do nhà vợ kêu tách ra để làm riêng, nhưng sau đó bà C lại gửi đơn ly hôn, ông xác định còn thương vợ, yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng quay về chung sống do đó ông không đồng ý ly hôn.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2023 đối với bà Phạm Thị X là mẹ ruột của bà C về tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông H thì thấy: Giữa ông H và bà C và gia đình bà C có phát sinh mâu thuẫn liên quan đến vấn đề tiền bạc, dẫn đến bất đồng giữa vợ chồng. Từ đó dẫn đến việc bà C kiên quyết ly hôn.

Từ những nội dung nêu trên, xét thấy giữa bà C và ông H trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xuất phát từ những mâu thuẫn về tiền bạc đã dẫn đến bất đồng và có sự xúc phạm lẫn nhau, xúc phạm đến gia đình người lớn của hai bên nên rạn nứt tình cảm vợ chồng nhưng cả hai không thể hàn gắn mâu thuẫn và đã sống ly thân nên cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà C và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, bà C được ly hôn với ông H.

2.2 Về con chung: Giữa bà C và ông H có 02 con chung tên Trần Gia K, sinh ngày 27/7/2015 và Trần Gia L, sinh ngày 10/5/2019, hiện đang do bà C nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, về phía ông H cũng đồng ý để bà C được nuôi 02 con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu K và cháu L cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà C phải tạo điều kiện cho ông H trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà C và ông H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà C là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Bà C và ông H có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Trần Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2014, quyển số 01/2014 ngày 06/03/2014 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện I, thành phố Cần Thơ không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C được tiếp tục nuôi con 02 chung

là cháu Trần Gia K, sinh ngày 27/7/2015 và Trần Gia L, sinh ngày 10/5/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà C phải tạo điều kiện cho ông H trong việc tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu.

Về quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn Nhân và Gia đình.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003958 ngày 08/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 25/4/2023).

Ông Trần Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện; Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Trinh